

Số: **44** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **20** tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Trung ương;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; số 30/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 05/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG phát

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, tỉnh đã giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giao kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm (năm 2022, 2023, 2024). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, kế hoạch đầu tư công trung hạn của Chương trình cần được điều chỉnh, bổ sung với các lý do sau:

- Điều chỉnh do thay đổi quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn của Chương trình (tại Tiểu dự án 2 Dự án 10): tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh) có nội dung quy định **không phân bổ vốn đầu tư công của Tiểu dự án 2 Dự án 10 cho các các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh, chỉ phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí tính điểm.** Do đó, kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh và Liên minh Hợp tác xã tỉnh cần được điều chỉnh giảm để bổ sung cho các huyện thực hiện.

- Điều chỉnh do số liệu của các tiêu chí làm cơ sở phân bổ vốn được huyện rà soát, điều chỉnh (Dự án 1; Tiểu dự án 1 - Dự án 4; Tiểu dự án - Dự án 5): Ngay đầu giai đoạn 2021-2025, Ban Dân tộc tỉnh rà soát, tổng hợp số liệu do các đơn vị, địa phương cung cấp và đăng ký để đưa vào tính điểm, làm cơ sở để phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 theo tiêu chí, định mức. Đến nay, theo thực tế triển khai tại các địa phương, số liệu của các tiêu chí làm cơ sở phân bổ vốn có thay đổi so với phương án đề xuất đầu giai đoạn nên cần phải điều chỉnh để phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn của Chương trình.

- Điều chỉnh do dự án trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được đầu tư bằng nguồn vốn khác (Tiểu dự án 1 - Dự án 5 do Sở Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư).

Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu công này là cơ sở để phân bổ vốn hằng năm của tỉnh nhằm đảm bảo tổng thể số vốn được giao trong kế hoạch trung hạn và hằng năm của Chương trình phù hợp theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Do đó, trên cơ sở đề xuất của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 315/BDT-CSĐT ngày 15/3/2024 và đề xuất của Giám đốc Sở kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 444/SKHĐT-KGVX ngày 15/3/2024, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình, cụ thể như sau:

1. Về điều chỉnh giảm:

- Dự án 1: điều chỉnh giảm 30,441 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 27,674 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 2,767 tỷ đồng;

- Dự án 4: điều chỉnh giảm 20,114 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 18,283 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 1,831 tỷ đồng;

- Dự án 5: điều chỉnh giảm 4,374 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 3,725 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 0,649 tỷ đồng;

- Dự án 6: điều chỉnh giảm 0,860 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 0,781 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 0,079 tỷ đồng;

- Dự án 10: điều chỉnh giảm 8,368 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 7,277 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 1,091 tỷ đồng.

Như vậy, tổng số vốn điều chỉnh giảm đợt này là **64,157 tỷ đồng** (gồm: ngân sách Trung ương là 57,740 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 6,417 tỷ đồng).

2. Về bổ sung tăng:

Với tổng số vốn điều chỉnh giảm **64,157 tỷ đồng** như trên, UBND tỉnh dự kiến bổ sung như sau:

- Dự án 1 bổ sung tăng 30,564 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 27,784 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 2,780 tỷ đồng;

- Dự án 4 bổ sung tăng 19,991 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 18,173 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 1,818 tỷ đồng;

- Dự án 5 bổ sung tăng 4,374 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 3,725 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 0,649 tỷ đồng;

- Dự án 6 bổ sung tăng 0,860 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 0,781 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 0,079 tỷ đồng;

- Dự án 10 bổ sung tăng 8,368 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 7,277 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 1,091 tỷ đồng.

* Riêng tại Dự án 5 có phát sinh nội dung điều chỉnh, bổ sung đối với danh mục dự án do Sở Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

Tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 với tổng số vốn là 14,978 tỷ đồng (gồm ngân sách Trung ương là 13,024 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 1,954 tỷ đồng) để thực hiện 09 dự án. Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024 là 9,749 tỷ đồng (gồm ngân sách Trung ương là 8,655 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 1,094 tỷ đồng) và đã đầu tư hoàn thành 06 dự án trong danh mục. Theo đó, trong số 03 dự án còn lại trong danh mục dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021-2025, có 01 dự án không điều chỉnh, 02 dự án được dự kiến điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh giảm, đưa ra khỏi danh mục kế hoạch trung hạn 01 dự án là dự án Trường THPT Phạm Kiệt (hạng mục: công trình sửa chữa nâng cấp tường rào phía Bắc và phía Đông, sửa chữa, cải tạo sân trường) đã được đầu tư bằng nguồn vốn khác nên có nhu cầu điều chỉnh giảm kế hoạch công trung hạn đã giao.

- Bổ sung tăng kế hoạch trung hạn, để tăng tổng mức đầu tư của 01 dự án là Trường THPT Quang Trung (hạng mục: Cải tạo, nâng cấp dãy 08 phòng phía Tây) đã được giao kế hoạch trung hạn là 1,725 tỷ đồng (gồm: ngân sách Trung ương 1,50 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 0,525 tỷ đồng). Trong quá trình hoàn chỉnh thủ tục trình cấp thẩm quyền quyết định đầu tư, Chủ đầu tư là Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất thay đổi hạng mục và thay đổi quy mô đầu tư so với ban đầu để đáp ứng nhu cầu cần thiết, cấp bách phục vụ công tác dạy và học tại trường (cụ thể là thay đổi từ cải tạo, nâng cấp dãy 08 phòng học 02 tầng phía tây thành xây mới dãy lớp học 04 phòng (02 tầng) và nhà vệ sinh học sinh). Do đó, UBND tỉnh dự kiến bổ sung thêm kế hoạch trung hạn cho dự án, với tổng vốn đề xuất là 3,064 tỷ đồng (gồm ngân sách Trung ương là 2,664 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 0,4 tỷ đồng), tăng 1,339 tỷ đồng so với kế hoạch trung hạn đã giao.

- Số vốn còn lại của đơn vị sau khi thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nêu trên (500 triệu đồng, gồm ngân sách Trung ương là 257 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 243 triệu đồng), UBND tỉnh chưa dự kiến phân bổ đợt này, sẽ phân khai sau khi đủ điều kiện.

Như vậy, tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn của Chương trình dự kiến điều chỉnh, bổ sung đợt này là 64,157 tỷ đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 57,740 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 6,417 tỷ đồng); UBND tỉnh kính báo cáo và trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương của Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

(Có các phụ lục và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS, Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu VT, KGVX_{VHTin106}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn

PHƯƠNG AN ĐIỀU CHỈNH LỊCH HOẠCH ĐẠO TÀI CHÍNH NĂM TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ HỘI YẾNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số 44/TB-T/UBND ngày 20/3/2024 của UBND tỉnh)

ĐT: triệu đồng

STT	Số, ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao						Dự kiến bổ sung trong Kế hoạch phân bổ						Phương án đề xuất điều chỉnh, bổ sung						Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú				
		Tổng vốn		Trong đó		Tổng vốn NSTW	Ngân sách tỉnh	Tổng vốn		Trong đó		Tổng vốn NSTW	NST	Tổng vốn		Trong đó		Tổng vốn NSTW	NST	Tổng vốn		Trong đó		Tổng vốn NSTW	Ngân sách tỉnh					
		NSTW	Ngân sách tỉnh	NSTW	Ngân sách tỉnh			NSTW	Ngân sách tỉnh	NSTW	Ngân sách tỉnh			NSTW	Ngân sách tỉnh	NSTW	Ngân sách tỉnh			NSTW	Ngân sách tỉnh	NSTW	Ngân sách tỉnh							
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	206.762	187.965	18.797	110.621	156.961	142.692	14.269	49.801	45.273	4.528	30.441	27.674	2.767	30.564	27.784	2.780	206.885	188.075	18.810			206.885	188.075	18.810					
A	TỔNG SỐ	1.216.317	1.105.696	110.621	876.785	795.467	81.318	339.532	310.229	29.303	64.157	57.740	6.417	64.157	57.740	6.417	1.216.317	1.105.696	110.621			1.216.317	1.105.696	110.621						
1	Huyện Sơn Hà	51.010	46.372	4.638	38.490	34.992	3.498	12.520	11.380	1.140	858	779	79	858	779	79	50.152	45.593	4.559			50.152	45.593	4.559						
2	Huyện Sơn Tây	43.944	39.949	3.995	30.035	27.305	2.730	13.909	12.644	1.265	12.318	11.198	1.120	12.318	11.198	1.120	31.626	28.751	2.875			31.626	28.751	2.875						
3	Huyện Trà Bồng	52.492	47.720	4.772	48.238	43.853	4.385	4.254	3.867	387	30.441	27.674	2.767	30.441	27.674	2.767	82.933	75.394	7.539			82.933	75.394	7.539						
4	Huyện Ba Tơ	39.636	36.033	3.603	26.322	23.929	2.393	13.314	12.104	1.210	13.314	12.104	1.210	13.314	12.104	1.210	26.322	23.929	2.393			26.322	23.929	2.393						
5	Huyện Minh Long	14919	13.563	1.356	10.493	9.539	954	4.426	4.024	402	3.085	2.804	281	3.085	2.804	281	11.834	10.759	1.075			11.834	10.759	1.075						
6	Huyện Tư Nghĩa	4.027	3.661	366	2.929	2.663	266	1.098	998	100	463	423	40	463	423	40	3.564	3.238	326			3.564	3.238	326						
7	Huyện Nghĩa Hành	734	667	67	454	411	43	280	256	24	403	366	37	403	366	37	454	411	43			454	411	43						
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	142.436	129.487	12.949	102.080	93.400	8.680	40.356	36.087	4.269							142.436	129.487	12.949			142.436	129.487	12.949						
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	37.212	34.339	2.873	25.462	22.867	2.595	11.750	11.472	278							37.212	34.339	2.873			37.212	34.339	2.873						
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của tỉnh vực dân tộc	628.082	570.984	57.098	450.456	409.504	40.952	177.626	161.480	16.146	20.114	18.283	1.831	19.991	18.173	1.818	627.959	570.874	57.085			627.959	570.874	57.085						
	Tiền Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	628.082	570.984	57.098	450.456	409.504	40.952	177.626	161.480	16.146	20.114	18.283	1.831	19.991	18.173	1.818	627.959	570.874	57.085			627.959	570.874	57.085						

STT	Số, ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao			Lũy kế vốn bố trí đến năm 2024			Vốn còn lại trong Kế hoạch trung hạn 2021-2025 chưa phân bổ			Phương án đề xuất điều chỉnh, bổ sung			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	Ngân sách tỉnh	
1	Huyện Sơn Hà	123.355	113.959	11.396	91.081	82.801	8.280	34.274	31.158	3.116	4.434	4.031	403	117.990	11.799		
2	Huyện Sơn Tây	121.741	110.674	11.067	83.850	76.227	7.623	37.891	34.447	3.444	13.023	1.184		98.835	9.883		
3	Huyện Trà Bồng	164.532	149.575	14.957	116.777	106.162	10.615	47.755	43.413	4.342	4.600	418		145.393	14.539		
4	Huyện Ba Tư	176.515	160.468	16.047	130.658	118.781	11.877	45.857	41.687	4.170	2.368	2.152	216	174.374	17.437		
5	Huyện Minh Long	36.981	33.619	3.362	25.893	23.538	2.355	11.088	10.081	1.007				31.467	3.146		
6	Huyện Nghĩa Hành	2.958	2.689	269	2.197	1.995	202	761	694	67	123	110	13	2.815	281		
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	143.915	130.240	13.675	104.741	93.205	11.536	39.174	37.035	2.139	4.374	3.725	649	130.240	13.675		
	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ	143.915	130.240	13.675	104.741	93.205	11.536	39.174	37.035	2.139	4.374	3.725	649	130.240	13.675		
a	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	14.978	13.024	1.954	9.749	8.655	1.094	5.229	4.369	860	1.839	1.421	418	13.024	1.954		
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	14.978	13.024	1.954	9.749	8.655	1.094	5.229	4.369	860	1.839	1.421	418	13.024	1.954		Điều chỉnh nội bộ, chi tiết tại phụ lục 1.1
b	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	128.937	117.216	11.721	94.992	84.550	10.442	33.945	32.666	1.279	2.535	2.304	231	117.216	11.721		
1	Huyện Sơn Hà	12.624	11.476	1.148	9.383	8.349	1.034	3.241	3.127	114				11.745	1.174		
2	Huyện Sơn Tây	40.190	36.536	3.654	29.971	26.583	3.388	10.219	9.953	266				37.386	3.738		
3	Huyện Trà Bồng	39.218	35.654	3.564	29.064	25.940	3.124	10.154	9.714	440				36.482	3.648		
4	Huyện Ba Tư	19.961	18.146	1.815	14.040	12.467	1.573	5.921	5.679	242				15.842	1.584		
5	Huyện Minh Long	16.944	15.404	1.540	12.534	11.211	1.323	4.410	4.193	217				15.761	1.577		
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	22.941	20.501	2.440	15.754	14.165	1.589	7.187	6.336	851	860	781	79	22.941	2.440		
a	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	8.959	7.790	1.169	4.055	3.526	529	4.904	4.264	640				7.790	1.169		
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8.959	7.790	1.169	4.055	3.526	529	4.904	4.264	640				7.790	1.169		

STT	Số ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Kế hoạch trung hạn										Lũy kế vốn bố trí đến năm 2024										Vốn còn lại trong Kế hoạch trung hạn 2021-2025 chưa phân bổ										Phương án đề xuất điều chỉnh, bổ sung										Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung										Ghi chú
		giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao					giai đoạn 2021-2025 chưa phân bổ					giai đoạn 2021-2025 chưa phân bổ					điều chỉnh giảm					bổ sung tăng					giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung																									
		Tổng vốn		Trong đó		Ngân sách tỉnh	Tổng vốn		Trong đó		Ngân sách tỉnh	Tổng vốn		Trong đó		Ngân sách tỉnh	Tổng vốn		Trong đó		Ngân sách tỉnh	Tổng vốn		Trong đó		Ngân sách tỉnh	Tổng vốn		Trong đó		Ngân sách tỉnh																					
		NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST																	
b	Phần bố cho các huyện (theo tiêu chí)	13.982	12.711	1.271	11.699	10.639	1.060	2.283	2.072	211	860	781	79	860	781	79	13.982	12.711	1.271	2.949	2.681	268	2.570	2.337	233	379	344	35	223	203	20	3.172	2.884	288																		
1	Huyện Sơn Hà	2.294	2.085	209	1.999	1.817	182	295	268	27	174	158	16	223	203	20	2.468	2.243	225	2.294	2.085	209	1.999	1.817	182	295	268	27	174	158	16	2.468	2.243	225																		
2	Huyện Sơn Tây	3.386	3.079	307	2.616	2.379	237	770	700	70	567	516	51	270	246	24	2.819	2.563	256	3.386	3.079	307	2.616	2.379	237	770	700	70	567	516	51	2.819	2.563	256																		
3	Huyện Trà Bồng	3.605	3.277	328	3.141	2.856	285	464	421	43	293	265	28	193	174	19	3.875	3.523	352	3.605	3.277	328	3.141	2.856	285	464	421	43	293	265	28	3.875	3.523	352																		
4	Huyện Ba Tơ	983	894	89	901	820	81	82	74	8	293	265	28	193	174	19	1.176	1.068	108	983	894	89	901	820	81	82	74	8	193	174	19	1.176	1.068	108																		
5	Huyện Minh Long	765	695	70	472	430	42	293	265	28	293	265	28	193	174	19	472	430	42	765	695	70	472	430	42	293	265	28	193	174	19	472	430	42																		
6	Huyện Nghĩa Hành	34.969	32.180	2.789	21.331	19.634	1.697	13.638	12.546	1.092	8.368	7.277	1.091	8.368	7.277	1.091	34.969	32.180	2.789	34.969	32.180	2.789	21.331	19.634	1.697	13.638	12.546	1.092	8.368	7.277	1.091	34.969	32.180	2.789																		
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.368	7.277	1.091	-	-	-	8.368	7.277	1.091	-	-	-	8.368	7.277	1.091	-	-	-	8.368	7.277	1.091	-	-	-	8.368	7.277	1.091	-	-	-	8.368	7.277	1.091	-	-	-															
I	Phần bố cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	5.579	4.851	728	-	-	-	5.579	4.851	728	-	-	-	5.579	4.851	728	-	-	-	5.579	4.851	728	-	-	-	5.579	4.851	728	-	-	-	5.579	4.851	728	-	-	-															
1	Ban Dân tộc tỉnh (0% tổng vốn đầu tư của Tiểu dự án 2)	2.789	2.426	363	-	-	-	2.789	2.426	363	-	-	-	2.789	2.426	363	-	-	-	2.789	2.426	363	-	-	-	2.789	2.426	363	-	-	-	2.789	2.426	363	-	-	-															
2	Liên minh HTX tỉnh (0% tổng vốn đầu tư của Tiểu dự án 2)	26.601	24.903	1.698	21.331	19.634	1.697	5.270	5.269	1	-	-	-	8.368	7.277	1.091	26.601	24.903	1.698	26.601	24.903	1.698	21.331	19.634	1.697	5.270	5.269	1	-	-	-	8.368	7.277	1.091	34.969	32.180	2.789															
a	Phần bố cho các huyện (theo tiêu chí)	5.735	5.369	366	4.599	4.233	366	1.136	1.136	1.803	1.568	235	7.538	6.937	601	1.803	1.568	235	7.538	6.937	601	4.599	4.233	366	1.136	1.136	1.803	1.568	235	7.538	6.937	601	4.599	4.233	366																	
1	Huyện Sơn Hà	4.684	4.385	299	3.757	3.458	299	927	927	1.474	1.282	192	6.158	5.667	491	1.474	1.282	192	6.158	5.667	491	3.757	3.458	299	927	927	1.474	1.282	192	6.158	5.667	491	3.757	3.458	299																	
2	Huyện Sơn Tây	6.768	6.336	432	5.428	4.996	432	1.340	1.340	2.128	1.850	278	8.896	8.186	710	2.128	1.850	278	8.896	8.186	710	5.428	4.996	432	1.340	1.340	2.128	1.850	278	8.896	8.186	710	5.428	4.996	432																	
3	Huyện Trà Bồng	7.835	7.335	500	6.284	5.784	500	1.551	1.551	2.463	2.142	321	10.298	9.477	821	2.463	2.142	321	10.298	9.477	821	6.284	5.784	500	1.551	1.551	2.463	2.142	321	10.298	9.477	821	6.284	5.784	500																	
4	Huyện Ba Tơ	1.562	1.462	100	1.263	1.163	100	299	299	487	427	60	2.049	1.889	160	487	427	60	2.049	1.889	160	1.263	1.163	100	299	299	487	427	60	2.049	1.889	160	1.263	1.163	100																	
5	Huyện Minh Long	17	16	1	-	-	-	17	16	1	-	-	-	13	8	5	-	-	-	17	16	1	-	-	-	17	16	1	-	-	-	17	16	1	-	-	-															
6	Huyện Nghĩa Hành																																																			

PHƯƠNG ÁN ĐỀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH NĂM 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

Tiêu Dự án 1: Đồi mới hoạt động, cũng có phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ

ĐƠN PHỤ LỤC 1.1
Đợt VI: Sơ thảo dự án và Đào tạo
ĐVT: triệu đồng
(Kèm theo Tờ trình số 44/TT-UBND ngày 20/3/2024 của UBND tỉnh)

STT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao						Kế hoạch trung hạn 2021-2025 điều chỉnh						Ghi chú	
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	NSTW			NST		
						NSTW	NSP (NS tỉnh)	NS		NSTW	NST	NS		NSTW	NST	NS		Tăng	Giảm	Tổng vốn			Tăng
1	Tổng số	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=12+19-20	13.024	1.421	20	21=13+22-23	22	23	24	
1	Hoàn thành trong năm 2023				14.978	13.024	1.954	14.978	13.024	1.954	9.749	8.555	1.094	14.978	18=12+19-20	13.024	1.421	20	21=13+22-23	22	23	24	
1	Dự án: Trường THPT Tây Trà, HM: Cải tạo, đồ hồ tầng, lát gạch sân nền, tạo khuôn viên Nhà thi đấu đa năng	xã Trà Phong, huyện Trà Bồng	2022-2023	151/QĐ-SXD ngày 06/9/2022	10.495	9.126	1.369	10.495	9.126	1.369	9.749	8.555	1.094	9.749	884	8.555	-	471	1.094	-	275	37	
2	Dự án: Trường THCS- THPT Phạm Kiệt, HM: Cải tạo, nâng cấp tường rào, công nghệ	xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà	2022-2023	154/QĐ-SXD ngày 12/9/2022	1.208		1.050	1.208	1.050	158	1.061	932	129	1.061	932			118	129		-	29	
3	Dự án: Trường THPT Minh Long, HM: Nâng cấp, sửa chữa nhà bán trú, Công trình vệ sinh, nước sạch khu nhà bán trú học sinh	xã Long Mai, huyện Minh Long	2022-2023	157/QĐ-SXD ngày 16/9/2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	150	1.127	1.000	127	1.127	1.000			-	127		-	24	
4	Dự án trường THPT Ba Tư, HM: Sửa chữa, cải tạo đầy phòng học 6 phòng 2 tầng thành nhà thư viện, phòng tổ bộ môn và các hạng mục phụ trợ	thị trấn Ba Tư, huyện Ba Tư	2022-2023	156/QĐ-SXD ngày 14/9/2022	2.300	2.000	300	2.300	2.000	300	2.107	1.947	160	2.107	1.947			53	160		-	140	
5	Dự án: Trường THPT Trà Bồng, HM: Cải tạo, nâng cấp sân chào cờ	Xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng	2023-2024	198/QĐ-SXD ngày 20/11/2023	1.265	1.100	165	1.265	1.100	165	1.046	910	136	1.046	910			190	136		-	29	
6	Dự án: Trường THPT Đinh Tiên Hoàng, HM: Cải tạo xây dựng 04 phòng học 02 tầng có nhà vệ sinh	Xã Sơn Dục, huyện Sơn Tây	2023-2024	199/QĐ-SXD ngày 20/11/2022	3.652	3.176	476	3.652	3.176	476	3.525	3.066	459	3.525	3.066			110	459		-	17	
II	Dự kiến khởi công mới				4.483	3.998	585	4.483	3.998	585	-	-	-	4.729	4.112	1.164	950	617	175	143			
7	Dự án: Trường THPT Phạm Kiệt, HM: Công trình sửa chữa nâng cấp tường rào phía Bắc và phía Đông; sửa chữa cải tạo sân trường	xã Ba Vì, huyện Ba Tư	2023-2024		1.093	950	143	1.093	950	143	-	-	-	-	-			950	-	-	-		
8	Dự án: Trường THPT Sơn Hà, HM: Hệ thống phòng cháy chữa cháy	TT di làng Sơn Hà	2024-2025		1.665	1.448	217	1.665	1.448	217	-	-	-	1.665	1.448			-	217	-	-		
9	Dự án: Trường THPT Quang Trung, HM: Xây mới đầy lớp học 04 phòng 02 tầng và nhà vệ sinh học sinh	Xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	2024-2025		1.725	1.500	225	1.725	1.500	225	-	-	-	3.064	2.664	1.164	-	400	175				
III	Chưa phân khai													500	257	257		243	243				

